

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành sử dụng hệ thống ngân hàng câu hỏi/đề thi và đáp án thi kết thúc học phần của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THANH HÓA**

Căn cứ Quyết định số 1221/2011/QĐ - TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HDT ngày 03/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-ĐVTDT ngày 11/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa ban hành Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi/đề thi kết thúc học phần của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ kết quả nghiệm thu, tổng hợp ngân hàng câu hỏi/đề thi/đáp án năm học 2023-2024 tại phòng KT-ĐBCLGD;

Xét đề nghị của phòng Khảo thí-ĐBCLGD.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và ban hành sử dụng ngân hàng câu hỏi/ đề thi/đáp án theo hình thức thi: vấn đáp, thi tự luận, thi trắc nghiệm đối với các học phần đã đăng ký biên soạn năm học 2023-2024, có danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các bộ đề, ngân hàng đề này được sử dụng thay thế các các bộ đề, ngân hàng trước đây đối với các học phần tương ứng.

Điều 3: Trưởng các đơn vị: Khảo thí& Đảm bảo chất lượng, Quản lý đào tạo, Kế hoạch-tài chính, các khoa đào tạo và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, CTHĐT (để b/c);
- Như Điều (3) QĐ;
- Lưu VT, KT-ĐBCLGD.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thị Thục

DANH SÁCH HỌC PHẦN XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI/ĐỀ THI, ĐÁP ÁN THI
KẾT THÚC HỌC PHẦN
(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-ĐVTĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch TH)

1. Bộ môn Quản lý Văn hóa

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Nguyễn Thị Hà	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	ĐC008	02	10	10	10	Đại học	
2.	Tạ Thị Thủy	Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam	QVH002	03	15	15	15	Đại học	
3.	Tạ Thị Thủy	Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam	QVH003	03	15	15	15	Đại học	
4.	Lưu Thị Ngọc Diệp	Làng xã cổ truyền của người Việt (KCT năm 2023)	QVH005	02	10	10	10	Đại học	
5.	Lê Thị Hòa	Tiến trình lịch sử Việt Nam	QVH009	03	15	15	15	Đại học	
6.	Vũ Văn Tuyền	Quản lý Nhà nước về Văn hóa	QVH011	03	15	15	15	Đại học	
7.	Nguyễn Thị Thanh Nga	Kinh tế học văn hóa (KCT năm 2023)	QVH012	03	15	15	15	Đại học	
8.	Nguyễn Thị Thanh Nga	Công nghiệp văn hóa (KCT 2023)	QVH015	03	15	15	15	Đại học	
9.	Hoàng Thị Thu Hằng	Văn hóa công sở	QVH017	03	15	15	15	Đại học	
10.	Lưu Thị Ngọc Diệp	Quản lý di sản văn hóa	QVH021	04	15	15	15	Đại học	
11.	Nguyễn Thị Thu Hằng	Văn hóa Đông Nam Á	QVH007	02	10	10	10	Đại học	
12.	Nguyễn Thị Hương	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	ĐC006	03	15	15	15	Đại học	
13.	Lê Thị Hòa	Chính sách văn hóa thế giới	QVH047	03	15	15	15	Đại học	

2. Bộ môn Công nghệ Thông tin

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Hoàng Thu Hoa	Xã hội học truyền thông	CNT007	03	15	15	15	Đại học	
2.	Lê Bá Thành	Tâm lý truyền thông	CNT008	03	15	15	15	Đại học	
3.	Đỗ Thị Hằng	An toàn và bảo mật thông tin	CNT027	03	15	15	15	Đại học	
4.	Đỗ Thị Hằng	Trí tuệ nhân tạo	TTTV031	03	15	15	15	Đại học	
5.	Tạ Thị Thủy	Quan hệ công chúng	CNT005	03	15	15	15	Đại học	
6.	Tạ Thị Thủy	Công chúng truyền thông	CNT006	03	15	15	15	Đại học	
7.	Tạ Thị Thủy	Pháp luật và đạo đức	CNT009	03	15	15	15	Đại học	

		truyền thông							
8.	Hoàng Thị Thu Hằng	Lý thuyết truyền thông	CNT002	03	15	15	15	Đại học	
9.	Hoàng Thị Thu Hằng	Ngôn ngữ truyền thông	CNT003	03	15	15	15	Đại học	
10.	Tào Ngọc Biên	Quản trị dự án tin học	TTTV092	02	10	10	10	Đại học	
11.	Tào Ngọc Biên	Công nghệ phần mềm	TTTV032	03	15	15	15	Đại học	
12.	Tào Ngọc Biên	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	TTTV007	03	15	15	15	Đại học	
13.	Tào Ngọc Biên	Kiến trúc máy tính	TTTV060	03	15	15	15	Đại học	
14.	Lê Ngọc Hoàn	Cơ sở dữ liệu	TTTV004	03	15	15	15	Đại học	
15.	Phùng Thị Thúy Phương	Toán trong hoạt động thông tin	TTTV002	03	15	15	15	Đại học	

3. Bộ môn Thông tin Thư viện

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Lê Thị Dương	Thông tin học đại cương	TTH001	03	03	15	15	Đại học	
2.	Đỗ Thị Thu Hương	Thư viện học đại cương	TTTV011	02	10	10	10	Đại học	
3.	Nguyễn Thị Nhung	Thư viện trường học	TTTV016	02	10	10	10	Đại học	
4.	Nguyễn Thị Nhung	Sản phẩm và dịch vụ Thông tin – Thư viện	TTTV041	03	15	15	15	Đại học	
5.	Hoàng Thị Thu Hằng	Những vấn đề cơ bản về công tác thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông	TTTV047	03	15	15	15	Đại học	
6.	Tào Ngọc Biên	Thiết bị dạy học dùng chung ở cơ sở giáo dục	TTTV048	03	15	15	15	Đại học	
7.	Nguyễn Thị Phương	Thống kê học	TTTV055	03	15	15	15	Đại học	
8.	Nguyễn Thị Hà	Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý	TTTV074	02	10	10	10	Đại học	
9.	Lê Thị Dương	Công tác văn thư lưu trữ	TTTV061	03	15	15	15	Đại học	
10.	Tạ Thị Thủy	Lý luận và phương pháp công tác văn thư	TTTV059	02	10	10	10	Đại học	
11.	Đỗ Thị Thu Hương	Lưu trữ học	TTTV077	03	15	15	15	Đại học	
12.	Tạ Thị Thủy	Công tác văn thư - lưu trữ trong các doanh nghiệp	TTTV086	04	15	15	15	Đại học	
13.	Tạ Thị Thủy	Công tác văn thư-lưu trữ trong các cơ quan Nhà nước	TTTV087	04	15	15	15	Đại học	
14.	Bùi Thị Hậu	Quản lý nhà nước trong công tác văn thư - lưu trữ	TTTV085	03	15	15	15	Đại học	
15.	Nguyễn Thị Nhung	Tiêu chuẩn hóa trong công tác văn thư – lưu trữ	TTTV088	03	15	15	15	Đại học	
16.	Hoàng Thị Thu Hằng	Nghiệp vụ thư kí văn phòng	TTTV089	03	15	15	15	Đại học	
17.	Hoàng Thị Thu Hằng	Nghiệp vụ quản trị văn phòng	TTTV090	03	15	15	15	Đại học	

4. Bộ môn Công tác xã hội

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Hoàng Thị Thu Hoa	Xã hội học đại cương	CT001	03	15	15	15	Đại học	
2.	Nguyễn Thị Hồng Anh	Tâm lý học xã hội	CT002	03	15	15	15	Đại học	
3.	Lê Thùy Dung	Nhập môn công tác xã hội	CT004	03	15	15	15	Đại học	
4.	Trần Minh Thanh Hà	Lý thuyết công tác xã hội	CT005	03	15	15	15	Đại học	
5.	Lê Thùy Dung	Hành vi con người và môi trường xã hội	CT006	03	15	15	15	Đại học	
6.	Trần Minh Thanh Hà	Giới và phát triển	CT007	02	10	10	10	Đại học	
7.	Mai Anh Vũ	Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng	CT008	02	10	10	10	Đại học	
8.	Lê Thị Kim Dung	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	CT009	04	15	15	15	Đại học	
9.	Hoàng Thị Thu Hoa	Xã hội học truyền thông đại chúng và DLXH	CT013	03	15	15	15	Đại học	
10.	Lê Thùy Dung	Đạo đức nghề công tác xã hội	CT015	03	15	15	15	Đại học	
11.	Đoàn Văn Trường	Chính sách xã hội	CT018	04	15	15	15	Đại học	
12.	Trần Minh Thanh Hà	Công tác xã hội với trẻ em	CT021	02	10	10	10	Đại học	
13.	Trần Minh Thanh Hà	Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV	CT027	03	15	15	15	Đại học	
14.	Lê Thùy Dung	Công tác xã hội trong bệnh viện	CT026	02	10	10	10	Đại học	
15.	Hoàng Thị Thu Hoa	Công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số	CT025	02	10	10	10	Đại học	
16.	Lê Thùy Dung	Công tác xã hội với người nghèo	CT024	03	15	15	15	Đại học	

5. Bộ môn Luật

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Mai Thị Nguyệt Minh	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	LH001	03	15	15	15	Đại học	
2.	Lê Thị Thảo Linh	Lý luận về Nhà nước pháp quyền	LH018	03	15	15	15	Đại học	
3.	Nguyễn Thị Thu Trang	Luật Hiến pháp	LH053	04	15	15	15	Đại học	
4.	Nguyễn Như Sơn	Xây dựng văn bản pháp luật	LH017	03	15	15	15	Đại học	

5.	Mai Thị Nguyệt Minh	Luật sở hữu trí tuệ	LH014	02	10	10	10	Đại học	
6.	Hà Diệu Thu Thảo	Luật Hình sự 1	LH047	03	15	15	15	Đại học	
7.	Hà Diệu Thu Thảo	Luật Hình sự 2	LH048	03	15	15	15	Đại học	
8.	Mai Thị Nguyệt Minh	Luật Dân sự 2	LH050	03	15	15	15	Đại học	
9.	Mai Thị Nguyệt Minh	Luật Thương mại 1	LH051	03	15	15	15	Đại học	
10.	Mai Thị Nguyệt Minh	Luật Thương mại 2	LH052	03	15	15	15	Đại học	
11.	Bùi Đăng Thu Thuý	Luật Tổ tụng hình sự	LH006	03	15	15	15	Đại học	
12.	Nguyễn Như Sơn	Luật Tổ tụng dân sự	LH008	03	15	15	15	Đại học	
13.	Nguyễn Thị Lan Anh	Luật Tổ tụng hành chính	LH004	03	15	15	15	Đại học	
14.	Nguyễn Thị Lan Anh	Luật Lao động	LH011	03	15	15	15	Đại học	
15.	Hoàng Đình Hiến	Luật hành chính	LH003	04	15	15	15	Đại học	
16.	Bùi Đăng Thu Thuý	Khoa học điều tra tội phạm	LH044	03	15	15	15	Đại học	
17.	Lê Thị Vân Anh	Luật đầu tư	LH028	03	15	15	15	Đại học	
18.	Nguyễn Như Sơn	Thi hành án Dân sự	LH034	02				Đại học	
19.	Nguyễn Thị Lan Anh	Pháp Luật đại cương	DC007	03	15	15	15	Đại học	

6. Bộ môn Lý luận chính trị

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Nguyễn Thị Tình	Triết học Mác - Lênin	DC001	03	115	115	115	Đại học	Bao gồm câu hỏi tự luận và trắc nghiệm trên máy tính
2.	Phạm Thị Phụng	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	DC002	02	110	110	110	Đại học	
3.	Hoàng Thị Thảo	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DC003	02	110	110	110	Đại học	
4.	Vũ Thị Thùy	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC004	02	110	110	110	Đại học	
5.	Vũ Hoàng Oanh	Lịch sử Đảng CSVN	DC005	02	110	110	110	Đại học	
6.	Phạm Thị Phụng	Logic học	ĐC015	02	10	10	10	Đại học	
7.	Trịnh Thị Hậu	Chính trị học	ĐC013	03	15	15	15	Đại học	

7. Bộ môn Quản lý Nhà nước

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Hoàng Đình Hiến	Hành chính công	QN007	03	15	15	15	Đại học	
2.	Lê Thị Hòa	Quản lý nguồn nhân lực xã hội	QN012	03	15	15	15	Đại học	
3.	Nguyễn Thị Thục	Kỹ thuật điều hành công sở	QN010	03	15	15	15	Đại học	
4.	Hoàng Thị Thu Hoa	Quản lý nhà nước về Đô thị - Nông thôn	QN023	03	15	15	15	Đại học	
5.	Lê Thị Thảo Linh	Nhân sự hành chính nhà nước	QN009	03	15	15	15	Đại học	
6.	Nguyễn Thị Thu Trang	Quản lý nhà nước về Hành chính - tư	QN013	03	15	15	15	Đại học	

		pháp							
7.	Hoàng Bá Khải	Quản lý nhà nước về kinh tế	QN011	03	15	15	15	Đại học	
8.	Trịnh Thị Hậu	Lịch sử hành chính Nhà nước Việt Nam	QN003	03	15	15	15	Đại học	

8. Bộ môn Sư phạm âm nhạc

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Nguyễn Tiến Thành	Lịch sử âm nhạc thế giới	LA017	04	15	15	15	Đại học	
2.	Vi Minh Huy	Lý thuyết âm nhạc 1	LA005	03	15	15	15	Đại học	
3.	Vi Minh Huy	Hoà âm	LA007	03	15	15	15	Đại học	
4.	Phạm Ngọc Đình	Nhạc khí phổ thông	LA009	02	10	10	10	Đại học	
5.	Nguyễn Tiến Thành	Phân tích tác phẩm âm nhạc	LA004	03	15	15	15	Đại học	
6.	Phạm Ngọc Đình	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	LA003	02	10	10	10	Đại học	
7.	Vi Minh Huy	Hoà thanh		02	10	10	10	TCNK	
8.	Nguyễn Tiến Thành	Lịch sử âm nhạc		02	10	10	10	TCNK	
9.	Nguyễn Tiến Thành	Hình thức âm nhạc		02	10	10	10	TCNK	
10.	Phạm Hoàng Hiền	Phương pháp sư phạm âm nhạc		03	15	15	15	Đại học	

9. Bộ môn Ngôn ngữ Anh

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Nguyễn Thị Hường	Tiếng Trung Quốc 1	NN003	03	15	15	15	Đại học	
2.	Nguyễn Thị Hường	Tiếng Trung Quốc 2	NN004	03	15	15	15	Đại học	
3.	Nguyễn Thị Hường	Tiếng Trung Quốc 3	NN005	03	15	15	15	Đại học	
4.	Tào Thị Thu Thảo	Ngữ pháp tiếng Anh	TA001	04	15	15	15	Đại học	
5.	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ngữ âm- âm vị học Tiếng Anh	TA 005	03	15	15	15	Đại học	
6.	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ngữ nghĩa Tiếng Anh	TA002	03	15	15	15	Đại học	
7.	Hoàng Thị Huệ	Văn học Anh Mỹ	TA003	03	15	15	15	Đại học	
8.	Nguyễn Hà My	Đất nước học Anh Mỹ	TA004	03	15	15	15	Đại học	
9.	Hoàng Thị Huệ	Giao thoa văn hóa	TA024	02	10	10	10	Đại học	
10.	Tào Thị Thu Thảo	Tiếng Anh Văn phòng	TA027	02	10	10	10	Đại học	
11.	Hoàng Thị Huệ	Tiếng Anh Du lịch	TA028	02	10	10	10	Đại học	
12.	Lê Quốc Nguyên	Tiếng Anh Luật	TA029	02	10	10	10	Đại học	
13.	Nguyễn Thị Thương Hiền	Tiếng Anh thương mại	TA030	02	10	10	10	Đại học	
14.	Nguyễn Thị Thương Hiền	Phân tích diễn ngôn	TA 035	02	10	10	10	Đại học	
15.	Lê Quốc Nguyên	Ngữ dụng học	TA 036	02	10	10	10	Đại học	

16.	Hoàng Thị Huệ	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1	TA031	03	15	15	15	Đại học	
17.	Nguyễn Thị Hà My	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin	SPTH008	03	15	15	15	Đại học	

10. Bộ môn Giáo dục Mầm non

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Trần Thị Vân	Giáo dục học mầm non	MN002	03	30	30	30	Đại học	Bao gồm câu hỏi tự luận và vấn đáp
2.	Trần Thị Vân	Tâm lý học đại cương	MN021	02	10	10	10	Đại học	
3.	Trần Thị Vân	Tâm lý học lứa tuổi mầm non	MN001	03	30	30	30	Đại học	Bao gồm câu hỏi tự luận và vấn đáp
4.	Mai Thị Thanh Vân	Giao tiếp sư phạm mầm non	MN039	03	30	30	30	Đại học	Bao gồm câu hỏi tự luận và
5.	Phạm Thị Hải Yến	Sinh lý học trẻ em	MN003	03	15	15	15	Đại học	
6.	Lê Thị Dung	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	MN007	03	15	15	15	Đại học	
7.	Nguyễn Thị Thái	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	MN009	03	15	15	15	Đại học	
8.	Trần Thị Vân	Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	MN013	03	15	15	15	Đại học	
9.	Nguyễn Thị Hồng Anh	Giáo dục hoà nhập	MN016	03	30	30	30	Đại học	Bao gồm câu hỏi tự luận và vấn đáp
10.	Trần Thị Vân	Nghề giáo viên mầm non	MN017	03	15	15	15	Đại học	
11.	Nguyễn Thị Hồng Anh	Giáo dục trẻ tự kỉ	MN032	03	15	15	15	Đại học	
12.	Mai Thị Thanh Vân	Tâm lý học lứa tuổi và TLHSP	SAN003	04	15	15	15	Đại học	
13.	Lê Văn Dương	Quản lý hành chính NN và quản lý ngành GDĐT	GDTH002	02	10	10	10	Đại học	
14.	Đinh Thị Mơ	Giáo dục học đại cương	SAN002	02	20	20	20	Đại học	Bao gồm câu hỏi tự luận và vấn đáp
15.	Đinh Thị Mơ	Giáo dục học	SAN001	04	30	30	30	Đại học	Bao gồm

									câu hỏi tự luận và vấn đáp
16.	Nguyễn Thị Hà	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	MN010	03	15	15	15	Đại học	

11. Bộ môn Giáo dục tiểu học

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Phạm Thị Hải Yến	Sinh lý học tiểu học	GDTH007	02	10	10	10	Đại học	

12. Bộ môn Quản lý Thể dục Thể Thao

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Phạm Thị Hải Yến	Sinh lý học TDTT	QTT007	03	15	15	15	Đại học	
2.	Phạm Thị Hải Yến	Sinh hóa TDTT	QTT008	02	10	10	10	Đại học	
3.	Mai Thị Thanh Vân	Tâm lý TDTT	QTT001	02	10	10	10	Đại học	
4.	Nguyễn Thị Phương	Đo lường TDTT	QTT003	02	10	10	10	Đại học	
5.	Nguyễn Thành Trung	Quản lý thể thao quần chúng và thành tích cao	QTT022	03	15	15	15	Đại học	
6.	Nguyễn Thành Trung	Giải phẫu TDTT	QTT002	03	15	15	15	Đại học	
7.	Lê Đăng An	Quản lý sân bãi và công trình thể thao	QTT024	02	10	10	10	Đại học	
8.	Tô Thị Hương	Lý luận và phương pháp TDTT trường học	QTT006	02	10	10	10	Đại học	
9.	Nguyễn Thanh Tâm	Kế hoạch hóa Thể dục thể thao	QTT025	02	10	10	10	Đại học	

13. Bộ môn Sư phạm Mỹ thuật

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Trần Việt Anh	Lịch sử mỹ thuật	MT001	04	15	15	15	Đại học	
2.	Trần Việt Anh	Phân tích tác phẩm mỹ thuật	SMT019	02	10	10	10	Đại học	

14. Bộ môn Dịch vụ Du lịch & lữ hành

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		

1.	Trần Tiến	Quản trị dịch vụ	QLH004	03	15	15	15	Đại học	
2.	Trần Tiến	QTKDLH	QLH007	02	10	10	10	Đại học	
3.	Ngô Phương Thúy	Quản trị thương hiệu	QLH009	03	15	15	15	Đại học	
4.	Ngô Phương Thúy	Quản trị nhân lực	QLH006	03	15	15	15	Đại học	
5.	Ngô Phương Thúy	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	QLH005	03	15	15	15	Đại học	
6.	Lê Thị Bưởi	Kinh tế Du lịch	QLH003	03	15	15	15	Đại học	

15. Bộ môn Du lịch

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Lê Bá Thành	Tâm lý khách du lịch	DL009	03	15	15	15	Đại học	
2.	Nguyễn Thị Giang	Lễ tân ngoại giao	DL015	02	10	10	10	Đại học	
3.	Nguyễn Thị Giang	Du lịch bền vững	DL012	02	10	10	10	Đại học	

16. Bộ môn Quản trị Khách sạn

TT	Giảng viên biên soạn	Tên HP/NH câu hỏi, đề thi	Mã học phần	Số tín chỉ	Số lượng câu hỏi			Áp dụng cho bậc đào tạo	Ghi chú
					Loại 2 điểm	Loại 3 điểm	Loại 5 điểm		
1.	Lê Thị Ngọc	Kinh tế vi mô	QKS001	03	15	15	15	Đại học	
2.	Vũ Thị Thủy	Quản trị Resort	QKS013	03	15	15	15	Đại học	